

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 11 -2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch;

2. Bà Trần Thị Tuyết Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Suối Bà Ch, xã Tân H, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt có đơn).

Bị đơn: Ông Ninh Văn L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Suối Bà Ch, xã Tân H, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà và ông Ninh Văn L sống chung với nhau từ năm 1991 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuY cờ bạc, đánh đập và hành hạ bà. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Ninh Văn L.

Về con chung: Bà và ông Ninh Văn L có 02 con chung là chị Ninh Thị Ngọc Búp, sinh năm 1992 và chị Ninh Thị Ngọc Ninh, sinh năm 1994 hiện nay 02 con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ninh Văn L trình bày: Ông nghe rõ lời trình bày của bà Y và đồng ý ly hôn với bà Y. Tuy nhiên nguY nhân vợ chồng ông mâu thuẫn là do bà Y có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác.

Về con chung: 02 con đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuY bố không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Ninh Văn L là vợ chồng.

Về con chung: 02 con chung là chị Ninh Thị Ngọc Búp, sinh năm 1992 và chị Ninh Thị Ngọc Ninh, sinh năm 1994 đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y, ông L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y và ông Ninh Văn L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y, ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Ninh Văn L chung sống với nhau vào từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi bà và ông cư trú, bà Y và ông L sống chung hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ đó bà Y yêu cầu ly hôn với ông L.

Xét việc sống chung với nhau như vợ chồng của bà Y, ông L không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuY bố không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Ninh Văn L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Do 02 con chung đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y, ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: TuY bố không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Ninh Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Do 02 con chung tên Ninh Thị Ngọc Búp, sinh năm 1992 và chị Ninh Thị Ngọc Ninh, sinh năm 1994 đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Y, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Y đã nộp tại biên lai thu số 0015786 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y và ông Ninh Văn L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Cường